

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 792 /CTCTH-KTNB
V/v chấn chỉnh công tác quản lý thuế qua
hoạt động KTNB và thực hiện kế hoạch
KTNB năm 2024.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục Thuế thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian qua, để đảm bảo thực hiện thống nhất và tập trung công tác kiểm tra nội bộ, Cục Thuế thành phố Cần Thơ đã ban hành Công văn số 5200/CTCTH – KTNB ngày 30/10/2023 hướng dẫn xây dựng kế hoạch KTNB và công tác PCTN năm 2024, Công văn số 5807/TB-CTCTH ngày 29/11/2023 thông báo kế hoạch kiểm tra nội bộ năm 2024 của Cục Thuế. Nội dung kiểm tra tập trung vào kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra thuế; hoàn thuế GTGT; quản lý nợ thuế; kê khai thuế; quản lý ấn chỉ; biên lai, tiền thuế, tiền phí, lệ phí; kiểm tra việc thực thi công vụ của công chức thuế; kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Qua việc thực hiện áp dụng các biện pháp khai thác dữ liệu tập trung tại cơ quan Thuế, phát triển các kỹ năng kiểm tra trên các ứng dụng của ngành, công tác kiểm tra nội bộ toàn ngành đã đạt hiệu quả cao, góp phần củng cố nội bộ ngành, nâng cao ý thức trách nhiệm và hạn chế được những sai sót của đội ngũ công chức thuế trong quá trình thực thi công vụ, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật toàn ngành Thuế thành phố Cần Thơ. Thông qua công tác kiểm tra nội bộ đã cho thấy một số tồn tại cần phải khắc phục (*chi tiết tại phụ lục đi kèm Công văn này*) để công tác kiểm tra nội bộ toàn ngành nói riêng và công tác quản lý thuế nói chung đạt được hiệu quả cao hơn trong những năm tới.

Để nghiêm túc khắc phục những tồn tại đã nêu, Cục Thuế đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 01/CT-TCT ngày 19/9/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trách nhiệm nêu gương đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, đảng viên tại cơ quan thuế các cấp; Công văn số 1665/CTCTH-KTNB ngày 17/4/2023; Công văn số 3934/CTCTH-KTNB ngày 11/8/2023; Công văn số 5194/CTCTH-KTNB ngày 27/10/2023; Công văn số 5435/CTCTH-TCCB ngày 10/11/2023; Công văn số 5571/CTCTH-KTNB ngày 16/11/2023; Công văn số 59/CTCTH-KTNB ngày 05/01/2024; Công văn số 623/CTCTH-TCCB ngày 16/02/2024 về việc tăng

cường công tác kỷ luật lao động và văn hóa công sở và Chỉ thị số 01/CT-TCT ngày 11/4/2023 về việc tăng cường các biện pháp rà soát, kiểm tra hóa đơn nhằm ngăn chặn gian lận trong việc sử dụng hóa đơn.

2. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý thuế để đảm bảo đủ năng lực cảnh báo, kiểm tra, phát hiện những sai phạm của người nộp thuế.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhất là công chức thường xuyên tiếp xúc với người nộp thuế, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây khó khăn trong quá trình thực thi công vụ. Bố trí những công chức có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có phẩm chất đạo đức, đảm nhận được các nhiệm vụ được giao.

Tổ chức kiểm tra thực thi công vụ thường xuyên, đột xuất; xử lý kịp thời những thông tin phản hồi, thông tin phản ánh sai phạm của cán bộ thuế.

4. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp trong thực hiện chỉ đạo về xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để phòng ngừa, phát hiện tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực; có cơ chế giám sát minh bạch. Kiên quyết xử lý nghiêm minh các công chức sai phạm, kiên quyết đưa ra khỏi hệ thống những công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trình độ, thiếu ý thức trách nhiệm, vi phạm 10 Điều kỷ luật đối với công chức, viên chức ngành thuế theo quy định tại Quyết định số 1036/QĐ-TCT ngày 11/6/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Thực hiện nghiêm Quyết định số 2181/QĐ-TCT ngày 27/12/2012 quy định Tiêu chuẩn văn hóa công sở và đạo đức công chức, viên chức ngành Thuế; Quyết định số 67/QĐ-TCT ngày 11/01/2013 quy định những tiêu chuẩn cần “Xây” và những điều cần “Chống” đối với công chức, viên chức ngành Thuế.

5. Chủ động triển khai công tác kiểm tra nội bộ và tập trung nguồn lực phấn đấu thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch KTNB đã đề ra. Trong quá trình kiểm tra nội bộ phân tích, lựa chọn nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, có dấu hiệu rủi ro cao, thực hiện đúng quy chế, quy trình, văn bản quy phạm pháp luật, chế độ chính sách, liên quan đến nội dung kiểm tra nội bộ để cuộc kiểm tra đánh giá đúng thực trạng quản lý, xác định rõ nguyên nhân dẫn đến tồn tại, thiếu sót để từ đó rút ra bài học thực tiễn và đề ra biện pháp quản lý thích hợp, hiệu quả, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại.

6. Thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng: Nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản quy định về công tác tiếp công dân, nhận và giải quyết đơn khiếu nại tố cáo. Thực hiện áp dụng các mẫu biểu và giải quyết theo đúng quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày

01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị phản ánh.

Nhằm nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra thuế và hạn chế tối đa việc phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo sau thanh tra kiểm tra trước khi Đoàn thanh tra, kiểm tra ký biên bản với Người nộp thuế cần:

(1) Tăng cường đối thoại, giải thích, hướng dẫn cho NNT hiểu rõ căn cứ pháp lý liên quan đến việc xử lý vi phạm về thuế.

(2) Thực hiện lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi thực hiện xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra đối với các trường hợp còn vướng mắc theo quy định tại Quyết định số 2601/QĐ-TCT ngày 30/12/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hoặc trước khi thực hiện xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra đối với các trường hợp còn vướng mắc theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-TCT ngày 14/7/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

(3) Nghiêm túc chấn chỉnh công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Công văn số 2179/TCT-KTNB ngày 22/6/2022 của Tổng cục Thuế, trong đó thực hiện rà soát, xem xét, kiểm điểm trách nhiệm (do lỗi chủ quan áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về thuế) theo Công văn số 4536/TCT-KTNB ngày 30/9/2016 của Tổng cục Thuế.

7. Thực hiện việc nhập dữ liệu vào phần mềm ứng dụng KTNB đầy đủ, đúng quy định. Tăng cường đôn đốc, giám sát việc nhập dữ liệu của các cán bộ phụ trách, đảm bảo 100% hồ sơ được nhập kịp thời vào ứng dụng để thuận tiện cho công tác chỉ đạo điều hành và việc tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, KTNB và PCTN của toàn ngành, số liệu báo cáo phải thống nhất giữa báo cáo gửi Cục Thuế với số liệu trên ứng dụng tại cơ quan thuế.

8. Giao Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc chỉ đạo rà soát các hạn chế tồn tại được tổng hợp chung trong toàn ngành có xảy ra ở đơn vị mình quản lý thì phải có biện pháp khắc phục chấn chỉnh kịp thời, tổng hợp chung kết quả báo cáo Cục Thuế.

Cục Thuế yêu cầu các đồng chí Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm trước Cục Thuế thành phố Cần Thơ về các nhiệm vụ công tác được giao. Báo cáo kịp thời về Cục Thuế đối với những trường hợp vướng mắc, phức tạp để Cục Thuế kịp thời chỉ đạo. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế (để biết);
- Lưu: VT, KTNB (2b) /s/

CỤC TRƯỞNG

Phan Tiên Lân



TỔNG HỢP MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC KIỂM TRA NỘI BỘ

(Kèm theo Công văn số 792/CTCTH-KTNB ngày 26/02/2024)

I. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế

1. Công tác kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế

- Không lập danh sách trình lãnh đạo phê duyệt giao nhiệm vụ cụ thể số lượng NNT kiểm tra hồ sơ khai thuế cho từng công chức, danh sách NNT để kiểm tra HSKT.

- Chưa thực hiện kiểm tra đầy đủ hồ sơ khai thuế theo quy định của Tổng cục Thuế, chỉ kiểm tra thuế GTGT hoặc chỉ kiểm tra thuế TNDN.

- Lập phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế chậm thời gian so với quy định.

- Một số hồ sơ có dấu hiệu rủi ro nhưng công chức kiểm tra chưa nhận xét và thông báo yêu cầu NNT giải trình.

- Chưa thực hiện đúng quy trình về việc kiểm tra hồ sơ khai thuế GTGT bằng công nghệ thông tin: Chưa lập phiếu nhận xét hồ sơ khai thuế, Tờ trình về việc bổ sung thông tin, tài liệu; Thông báo cho doanh nghiệp về việc giải trình, bổ sung thông tin tài liệu chưa có nội dung các chỉ tiêu rủi ro; Không lập biên bản về việc giải trình số liệu hồ sơ khai thuế; không tích chọn chấp nhận giải trình bổ sung cho các tiêu chí để hệ thống không phân tích rủi ro các kỳ kiểm tra sau.

- Thực hiện chưa đúng về công tác văn thư đối với văn bản giải trình của NNT quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Chưa thực hiện lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở Cơ quan thuế, chưa ban hành Quyết định giao cụ thể số lượng, danh sách NNT phải kiểm tra hồ sơ khai thuế cho từng Tổ kiểm tra và chưa giao nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ khai thuế cho bộ phận kiểm tra thuế.

- Không lập Tờ trình báo cáo kết quả xử lý kiểm tra hồ sơ khai thuế tại Cơ quan thuế theo quy định.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT

2.1 Về quy trình thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các Đoàn TTKT

- Việc công bố Quyết định giám sát chưa được ghi nhận vào biên bản công bố Quyết định kiểm tra thuế hoặc lập biên bản công bố Quyết định giám sát, theo khoản 3 Điều 11 của Quyết định số 1614/QĐ-TCT ngày 13/10/2020.

- Một số đoàn thanh tra, kiểm tra, hoàn thuế GTGT chưa thực hiện quy chế giám sát.

- Xác định thời gian phân công công việc chưa phù hợp (phân công công việc và công bố quyết định kiểm tra cùng thời điểm).

- Chưa hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế được giao trong năm.

- Chưa đảm bảo các thủ tục giám sát theo quy chế giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, kiểm tra thuế: Không ban hành quyết định giám sát, không có kế hoạch giám sát, không có báo cáo giám sát, không thể hiện việc công bố quyết định giám sát bằng biên bản riêng, Quyết định giám sát được lập và công bố không đúng quy định về thời gian, chậm so với quy định, Kế hoạch giám sát được lập chưa đúng quy định về thời gian.

- Thực hiện chưa đúng quy trình thanh tra, kiểm tra thuế: kéo dài thời gian so với quy định; không có bảng phân công công việc; không in nhật ký thanh tra, kiểm tra; không có bảng kê chi tiết khi ghi nhận kết quả thanh tra, kiểm tra; không lập bảng đối chiếu tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN có xác nhận của bộ phận Kế khai và kế toán thuế trước khi tiến hành kiểm tra; Từng thành viên không lập biên bản xác nhận số liệu kiểm tra; chưa thực hiện lưu trữ theo đúng quy định; Chưa thực hiện gửi Quyết định thanh tra, kiểm tra cho đội Kế khai để thực hiện theo dõi khai thuế.

- Chưa thực hiện hoặc nhập không đầy đủ dữ liệu trên các ứng dụng ngành.

- Nội dung Biên bản thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ nội dung theo quy định; Biên bản kiểm tra lập không thống nhất với biên bản xác nhận số liệu.

- Biên bản thanh tra, kiểm tra không ký nháy từng trang hoặc không đóng dấu giáp lai;

- Biên bản thanh tra, kiểm tra lập không đủ số lượng bản theo quy định;

- Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra, biên bản kiểm tra chưa nêu rõ căn cứ pháp lý khi phát hiện sai phạm hoặc dẫn căn cứ pháp lý hết hiệu lực. Quyết định xử lý vi phạm hành chính không có trích dẫn căn cứ pháp lý, ghi rõ điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật hoặc trích dẫn sai căn cứ pháp lý, trích dẫn căn cứ pháp lý hết hiệu lực.

- Việc kiểm tra xác minh thực hiện đóng MST đối với NNT không còn hoạt động chậm so với quy định.

- Chưa kiểm tra đầy đủ các loại thuế đối với trường hợp quyết toán giải thể.

- Kiểm tra nội dung không có trong quyết định kiểm tra hoặc không kiểm tra đầy đủ nội dung theo quyết định kiểm tra.

- Công tác đôn đốc thực hiện quyết định xử lý sau kiểm tra chưa kịp thời.

2.2 Việc xác định nghĩa vụ thuế đối với NNT

- Tính tiền chậm nộp bắt đầu từ ngày phát sinh tiền chậm nộp không phù hợp theo quy định, tính thiếu tiền chậm nộp tiền thuế và các khoản mục có liên quan đến số liệu xác định nghĩa vụ thuế.

- Tính tiền chậm nộp tiền thuế đến ngày ký biên bản thanh tra thuế, không tính đến ngày ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định hoặc bộ phận tham mưu ban hành quyết định xử lý không theo dõi để tính tiền chậm nộp đến ngày ban hành quyết định.

- Giảm số thuế còn được khấu trừ cuối kỳ, giảm lỗ không thể hiện trên phần kiến nghị tại biên bản kiểm tra và trên quyết định xử lý sau kiểm tra.

- Chưa xác định lại thuế suất thuế GTGT do đơn vị tự xác định và tự khai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Chưa phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế đối với NNT khai không đầy đủ chỉ tiêu mã số thuế trên phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNCN.

- Chưa xử lý và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định đối với thuế TNCN của cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công nhưng không thực hiện kê khai.

- Áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, để giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và giảm thu nhập chịu thuế TNDN (thu nhập khác) đối với các khoản chiết khấu thương mại là chưa đúng quy định của pháp luật về thuế GTGT và thuế TNDN.

- Không thực hiện việc giảm 30% thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2002 không quá 200 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ dẫn đến truy thu thừa.

- Một số nội dung nghị vấn có rủi ro cao, có khả năng xảy ra sai phạm và hành vi vi phạm pháp luật về thuế chưa được làm rõ như phải thu khác, phải trả phải nộp khác, doanh thu và thu nhập khác...

- Xác định ưu đãi thuế TNDN không đúng quy định.

- Không thực hiện loại trừ hết các khoản chi phí không được trừ để xác định TNCT mà thực hiện tăng lợi nhuận chịu thuế không đúng quy định.

- Hồ sơ tính chi phí thuế TNDN bất hợp lý so với doanh thu nhưng đoàn kiểm tra chưa phân tích xác định loại chi phí thuế TNDN theo quy định.

2.3 Công tác xử lý vi phạm hành chính

- Chưa thực hiện đúng theo Mẫu số 01/QĐ được ban hành kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc mẫu số 02/QĐ-XPHC phụ lục kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; chưa trích dẫn chi tiết đến “điểm” “khoản” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Áp dụng văn bản xử phạt vi phạm hành chính đã hết hiệu lực.

- Xác định sai quy định số tiền phạt hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Ban hành Quyết định xử phạt hành chính về thuế, trong đó yêu cầu NNT tính tiền chậm nộp sau 10 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định là chưa đúng quy định.

- Kết luận chưa đúng hành vi vi phạm của người nộp thuế sử dụng chứng từ, tài liệu để hạch toán vào chi phí tiền lương nhân viên nhưng thực tế nhân viên không có làm việc tại Doanh nghiệp trong khoảng thời gian được chi trả (hành vi trốn thuế không xác định khai sai tiền thuế).

- Xác định hành vi vi phạm trước ngày kết thúc thực hiện thủ tục về thuế.

- Kiến nghị và tham mưu đề xuất chưa đầy đủ các biện pháp khắc phục hậu quả đối với NNT có hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

- Chưa xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế đối với hành vi khai sai không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; với hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định.

- Quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo quy định nhưng vẫn ra quyết định xử phạt.

- Chưa ban hành Thông báo yêu cầu NNT giải trình, điều chỉnh hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp có lỗi sai số học trên tờ khai.

- Xác định chưa đúng hành vi vi phạm của người nộp thuế; áp dụng chưa đúng mức tiền phạt khi xử lý vi phạm hành chính, áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ; xác định thiếu tình tiết tăng nặng, xử phạt đối với cá nhân nhưng áp dụng mức phạt đối với tổ chức;

- Áp dụng điều, khoản phạt không đúng quy định; việc trích dẫn hành vi vi phạm chưa đầy đủ hình thức xử phạt theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Không nhập đầy đủ Biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ứng dụng theo quy định.

2.4 Công tác hoàn thuế

- Phiếu đề xuất kế hoạch kiểm tra không có ngày, tháng.

- Không ghi nhận số tiền chậm nộp tiền thuế GTGT bị thu hồi hoàn lên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế Mẫu số 02/QĐ-XPHC, phụ lục đính kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021.

- Chậm thời gian giải quyết hồ sơ hoàn theo quy định, Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN ban hành chậm so với thời gian quy định.

- Thời gian thẩm định hoàn trả hồ sơ còn chậm theo quy định.
- Việc cập nhật ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thuế trên hệ thống TMS không đúng thực tế phát sinh;
- Kiểm tra trước hoàn thuế và kiểm tra sau hoàn thuế có phát sinh tồn tại, hạn chế về quy trình, thủ tục về công tác kiểm tra tại trụ sở NNT được nêu tại mục I một số tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm tra, thanh tra tại trụ sở NNT.
- Phiếu đề xuất hoàn thuế chưa ghi nhận đối chiếu nợ với Hải quan.

II. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

1. Công tác Quản lý nợ

- Không đạt các chỉ tiêu thu nợ được giao.
- Chưa phân loại đúng tính chất nợ thuế; chưa thường xuyên công khai thông tin NNT có tiền thuế nợ.
- Chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp đôn đốc thu nộp.
- Số liệu không khớp đúng giữa hồ sơ và ứng dụng.

2. Công tác Cưỡng chế nợ Thuế

- Chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập, xác minh thông tin để thực hiện cưỡng chế đối với NNT có khoản nợ lớn hoặc chây ỳ trên 90 ngày, chưa lập danh sách NNT chuẩn bị cưỡng chế.
- Chưa công khai hoặc công khai chưa đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo, Đài phát thanh các trường hợp NNT có khoản nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế.
- Chưa kịp thời ban hành Quyết định cưỡng chế tiếp theo ngay sau khi hết hiệu lực của Quyết định cưỡng chế trước đó.
- NNT sử dụng hóa đơn, phát sinh doanh thu trong thời gian bị cưỡng chế biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.
- Không ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế; chậm ban hành thông báo hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng.

3. Công tác khoanh nợ, xóa nợ tiền thuế

- Chưa kịp thời thực hiện khoanh nợ tiền thuế theo quy định, xác định thiếu số tiền thuế được khoanh nợ; chưa đăng tải Quyết định khoanh nợ tiền thuế lên website của ngành.
- Chậm gửi hồ sơ đề nghị thẩm định xóa nợ tiền phạt chậm nộp.
- Nhập vào ứng dụng Quản lý thuế tập trung TMS chậm so với quy định.
- Hồ sơ khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền chậm nộp chưa phù hợp với trạng thái của doanh nghiệp, phân loại nợ thuế trên ứng dụng TMS.

- Chưa thực hiện lập danh mục hồ sơ theo tiêu chuẩn ISO đối với hồ sơ xóa nợ, khoan nợ, hủy khoan nợ của cá nhân kinh doanh.

III. Công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kê khai thuế

- Lập biên bản vi phạm hành chính chậm so với quy định, không mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc và hành vi vi phạm; xác định không đúng ngày thực hiện hành vi vi phạm, không có hồ sơ tài liệu chứng cứ của vụ việc và không xác định hành vi vi phạm hành chính về thuế.

- Không chấp nhận hồ sơ khai thuế của NNT với lý do không xác đáng.

- Chưa xem xét đến tình tiết NNT đã nộp đủ số tiền thuế TNCN và tiền chậm nộp trước ngày ban hành Biên bản vi phạm hành chính về thuế dẫn đến việc xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế và áp dụng hình thức xử phạt chưa đúng hành vi vi phạm pháp luật về thuế, theo quy định của Pháp luật.

- Trên ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS) vẫn còn tồn số lượt tờ khai chậm nộp chưa bị xử phạt tại chức năng 3.9.5 Báo cáo tình hình nộp hồ sơ và xử lý vi phạm.

- Chậm lập biên bản vi phạm hành chính đối với NNT có hành vi vi phạm chậm nộp hồ sơ khai thuế.

- Áp dụng văn bản xử phạt vi phạm hành chính đã hết hiệu lực.

- Áp dụng tình tiết giảm nhẹ chưa đầy đủ tài liệu, bằng chứng, chứng cứ, biên bản làm việc xác minh cho việc xem xét tình tiết giảm nhẹ, dẫn đến việc áp dụng hình thức xử phạt phạt cảnh cáo, phạt tiền chưa đúng theo quy định.

- Phân công công việc chưa đúng quy định, đội KK-KTT-TH-NV-DT-PC xử lý hồ sơ khai thuế chậm nộp lớn hơn 90 ngày là chưa đúng quy định tại Quyết định số 245/QĐ-TCT ngày 25/3/2019.

IV. Công tác Quản lý hóa đơn, ấn chỉ

1. Công tác quản lý cấp, bán ấn chỉ

- Chưa cập nhật kịp thời vào ứng dụng Quản lý ấn chỉ; cập nhật vào ứng dụng QLAC bỏ sót danh sách đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn.

- Còn nhầm lẫn trong hạch toán dữ liệu, số liệu giữa các báo cáo về tình hình mất, cháy hỏng hóa đơn.

- Không thực hiện lập kế hoạch kiểm tra về ấn chỉ (hóa đơn) theo quy định.

- Chưa thực hiện đầy đủ thủ tục quy định tại Quy trình quản lý ấn chỉ.

2. Cấp, bán hóa đơn lẻ

- Cấp, bán hóa đơn lẻ không đúng địa bàn Cơ quan Thuế quản lý; nộp thuế vào NSNN chưa đúng địa bàn.

- Hồ sơ cấp, bán lẻ hóa đơn thiếu các thủ tục: thiếu CMND (Căn cước công dân), thiếu Chứng nhận đăng ký kinh doanh, thiếu hợp đồng, thiếu Tờ trình đề nghị bán ấu chỉ; một số hồ sơ bán hóa đơn lẻ nhưng sử dụng mẫu Đơn đề nghị cấp hóa đơn lẻ....

- NNT trong thời gian ngưng/ngừng kinh doanh nhưng CQT vẫn bán hóa đơn lẻ

- Cấp hóa đơn lẻ cho cá nhân kinh doanh nhưng không thực hiện nhập các thông tin trên hóa đơn bán lẻ và số thuế vào chương trình Quản lý ấu chỉ.

- Dùng biên lai thu thuế khi cấp hóa đơn lẻ đối với địa bàn không đúng quy định.

- Xuất hóa đơn chưa đúng ngành nghề trên giấy phép đăng ký kinh doanh, cấp hóa đơn bán lẻ không đúng đối tượng (HKD không phải là cá nhân kinh doanh).

V. Công tác Quản lý hộ kinh doanh

- Số lượng tờ khai phát ra không đầy đủ hoặc danh sách phát tờ khai Mẫu số 02-1/QTr-CNKD còn thiếu thông tin về ngày phát, chữ ký xác nhận của hộ kinh doanh.

- Chưa xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế so với thời gian quy định.

- Xác định thời gian lập bộ chưa phù hợp và đúng quy định (thời điểm lập Biên bản kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh trước thời điểm hộ kinh doanh bắt đầu kinh doanh).

- Chưa xác định chi phí đối với các hộ kinh doanh đúng theo quy định tại Thông tư 88/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Chưa kịp thời kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động của các hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được cấp MST nhưng không hoạt động để làm hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST.

- Nhập phương pháp quản lý HKD trên ứng dụng TMS khác so với thực tế quản lý.

- Hồ sơ khai thuế không đầy đủ tài liệu hoặc có sai sót, đối với Bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ mẫu số 01-2/BK-HĐKD, HKD không nộp hoặc không khai chi phí theo bảng kê, số liệu HKD kê khai trong Bảng kê trong kỳ tại một số chỉ tiêu của quý trước không khớp với quý sau.

- HKD kê khai doanh thu hóa đơn đã xuất trên ứng dụng hóa đơn điện tử thấp hơn hoặc cao hơn kết quả tra cứu các hóa đơn đã xuất trên ứng dụng hóa đơn điện tử.

- Xác định thời hạn đăng ký thuế không đúng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

- Công tác quản lý NNT: chưa kịp thời đưa vào quản lý HKD đã được cấp đăng ký; chưa có văn bản giao chỉ tiêu cụ thể về tăng số hộ quản lý tăng số thuế trong công tác lập bộ, duyệt bộ cho từng đội; việc điều chỉnh tăng/giảm thuế của HKD không đúng theo quy định; lập bộ ngành nghề chưa đúng, chưa kịp thời đổi với HKD thay đổi ngành nghề kinh doanh.

- Chưa thực hiện công tác khảo sát doanh thu đối với cá nhân kinh doanh trên địa bàn theo quy định.

- Sở bộ lệ phí môn bài lập cả HKD thuộc trường hợp được miễn; hồ sơ miễn giảm thuế có lý do miễn giảm là “Nghỉ kinh doanh” nhưng không có “Thông báo tạm dừng kinh doanh”.

- Nhập hồ sơ, quyết định vào ứng dụng không kịp thời.

- Xác định doanh thu của HKD thấp hơn mức khảo sát.

- Xác định chưa đúng tỷ lệ thuế GTGT và TNCN tính trên doanh thu áp dụng đối với từng ngành nghề dẫn đến xác định số thuế phải nộp không đúng với ngành nghề kinh doanh.

- Khai thuế, tính thuế theo hóa đơn không đúng tỷ lệ.

- Chưa tính tiền phạt, tiền chậm nộp đối với HKD; xác định tiền LPTB còn thiếu khi lập bộ khoán.

VI. Công tác quản lý thuế TNCN, lệ phí trước bạ đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản

- Quá trình luân chuyển hồ sơ chưa chặt chẽ, chuyển trả hồ sơ cho VPĐK đất đai bằng phiếu thẩm định thay bằng công văn.

- Các hồ sơ tính thuế được ứng dụng lệ phí trước bạ, nhà đất báo chậm do công chức mở lại để tính thuế.

- Chưa thực hiện trao đổi thông tin theo hình thức điện tử, công chức thao tác nhập thủ công không phù hợp thực tế nên chọn nhầm loại đất, áp giá tính thuế sai sót, ngày tháng chưa đồng nhất với hồ sơ, ghi nhầm dẫn đến sai thừa đất, số tờ bản đồ.

- Tỷ lệ nợ thuế phi nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao trên số thuế lập bộ.

- Chưa điều chỉnh tên, mã số thuế của người hiện tại đang sở hữu đất phi nông nghiệp trên Thông báo nộp thuế phi nông nghiệp.

- Có nhiều cá nhân đã chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp nhưng chưa được lập bộ thuế phi nông nghiệp.

- Nhiều trường hợp NNT đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không xóa tên trên bộ thuế dẫn đến tăng nợ.

- Hàng tháng chưa thường xuyên đối chiếu số liệu với cơ quan đăng ký đất đai.

- Công tác cấp mã số cá nhân đối với hồ sơ chuyển nhượng bất động sản của 1 số trường hợp còn chậm thời gian so với quy định.

- Thực hiện chưa đúng quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

- Giải quyết hồ sơ liên quan đến chuyển nhượng BĐS chưa đảm bảo thời gian quy định; chậm ban hành thông báo nộp nghĩa vụ tài chính.

- Chưa nhập kịp thời hoặc nhập chưa đúng quy định hồ sơ vào ứng dụng.

- Thiếu giấy tờ chứng minh đối tượng được miễn giảm.

- Hồ sơ đăng ký lần đầu, hồ sơ tặng cho, thừa kế thì thiếu thông tin về số CMND để tra cứu MST hoặc cấp MST; thiếu giấy tờ chứng minh mối quan hệ gia đình hoặc Đơn xác nhận mối quan hệ gia đình không rõ ràng, không đầy đủ; thiếu Đơn đăng ký biến động đất đai; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư đối với hồ sơ công nhận đất ở; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp....

- Cán bộ phụ trách bộ phận trước bạ nhà đất chậm phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt do: xem lại loại đất, tính sai giá trị hợp đồng, liên hệ với Chi nhánh VPĐKĐĐ xem lại thửa đất này không phải mặt tiền nhưng giáp với thửa đất mặt tiền ...hay không.... những trường hợp từ chối phê duyệt xem trên ứng dụng liên thông hồ sơ trước bạ nhà đất không tìm thấy các hồ sơ sai lệch này.

- Công tác mở sổ theo dõi việc tiếp nhận hồ sơ luân chuyển thực hiện nghĩa vụ tài chính: không thực hiện đúng mẫu; không ghi chép cụ thể chi tiết các tài liệu có trong hồ sơ; người bàn giao và người nhận bàn giao chưa thực hiện đầy đủ việc ký sổ và ghi rõ họ tên theo quy định.

- Xác định không đúng đối tượng được miễn thuế TNCN, LPTB.

- Xác định nghĩa vụ tài chính về đất không đúng quy định; áp dụng không đúng giá đất, vị trí, không nhân (x) hệ số điều chỉnh khi tính tiền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất đối với diện tích chênh lệch tăng thêm do sai số trong quá trình đo vẽ, ranh giới thửa đất không thay đổi là không đúng quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật đất đai 2013.

VII. Tiền sử dụng đất

- Một số thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đã ban hành nhưng chưa được theo dõi trên sổ thanh toán nợ đối với trường hợp được ghi nợ theo chính sách ghi nợ tiền sử dụng đất.

- Một số thông báo tiền sử dụng đất đã ban hành do các cơ quan chức năng chuyển hồ sơ để xác định tiền sử dụng đất nhưng không theo dõi việc gửi cho người có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất.

VIII. Công tác quản lý, triển khai sử dụng ứng dụng CNTT

- Kỹ năng khai thác các báo cáo nhằm kiểm soát dữ liệu trên ứng dụng QLTB-NĐ của một số công chức còn thiếu, một số chức năng chưa khai thác tốt.

- Việc cập nhật các Quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT trên ứng dụng thanh tra kiểm tra (TTR) chưa kịp thời theo Điều 13 Quy chế quy định trách nhiệm về kiểm soát xử lý dữ liệu trên hệ thống các ứng dụng quản lý thuế bàn hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-TCT ngày 12/12/2018.

- Nhập dữ liệu kết quả thanh tra, kiểm tra thuế vào ứng dụng TTR chưa đúng theo từng nội dung hành vi vi phạm (phạt tiền thuế, phạt khai sai, tiền chậm nộp, phạt khác).

- Nhập thiếu Quyết định kiểm tra vào ứng dụng TMS.

- Không nhập tổ kiểm tra và phân công tổ kiểm tra tại cơ quan thuế nên tra cứu trên ứng dụng không tách được NNT do Đội kiểm tra thuế nào thực hiện.

- Chưa thực hiện việc rà soát định kỳ để xóa các tài khoản của người sử dụng đã nghỉ hưu, chuyển công tác...

- Công tác xử lý tờ khai trên TMS chưa thực hiện rà soát thường xuyên, còn tồn tại tờ khai chưa hạch toán.

- Công tác nhập liệu trên TMS cho các hồ sơ đã nhận và trả kết quả còn chậm.

- Chưa ban hành các Quyết định cưỡng chế bằng phương thức điện tử.

- Hồ sơ khai thuế vi phạm quy tắc nghiệp vụ không được hạch toán vào hệ thống.

- Công khai thông tin hộ khoán lên trang thông tin điện tử chưa kịp thời.